TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 7 – 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng

Ông Huỳnh Minh Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2026/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 640/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thùy M, sinh ngày 12/8/1993 (Căn cước công dân số 094193010527, ngày cấp 26/9/2022); Địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt - do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Bảo K, sinh ngày 15/4/1992 (Căn cước công dân số 094092010227); Địa chỉ: Ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2026, biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 6 năm 2026 và đơn xin vắng mặt tham gia các giai đoạn tố tụng tại Tòa án ngày 02 tháng 6 năm 2026, nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M trình bày:

Bà Hồ Thị Thùy M và ông Lê Bảo K tự nguyện tổ chức lễ cưới vào tháng 08/2012. Ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/10/2014. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến tháng 05/2025, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống với

nhau từ đó cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà sinh được một người con chung tên Lê Bảo N, sinh ngày 07/11/2014 (hiện nay cháu Lê Bảo N đang sống chung với bà Hồ Thị Thùy M). Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại đơn khởi kiện, bà Hồ Thị Thùy M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Bảo K.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Thùy M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N, sinh ngày 07/11/2014 cho đến khi thành niên và không yêu cầu ông Lê Bảo K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Lê Bảo K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2026, nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Lê Bảo K. Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Lê Bảo K cư trú tại ấp V, xã C, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Bảo K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Hồ Thị Thùy M, ông Lê Bảo K và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thùy M và ông Lê Bảo K tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/10/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Thùy M và ông Lê Bảo K là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Hồ Thị Thùy M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Hồ Thị Thùy M cho rằng: Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi nhau và ông bà đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2025 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ đã thông báo hợp lệ cho ông Lê Bảo K biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M cung cấp. Ông Lê Bảo K không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Lê Bảo K không đến tham gia và bà Hồ Thị Thùy M vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hồ Thị Thùy M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Hồ Thị Thùy M được ly hôn với ông Lê Bảo K.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Hồ Thị Thùy M và ông Lê Bảo K sinh được 01 (một) người con chung tên Lê Bảo N (nữ, sinh ngày 07/11/2014). Bà Hồ Thị Thùy M yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N cho đến khi cháu thành niên. Xét thấy, hiện nay cháu Lê Bảo N đang sống chung với bà Hồ Thị Thùy M. Cháu được chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh bình thường. Nhằm đảm bảo cuộc sống cho cháu Lê Bảo N ổn định về mọi mặt, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống. Việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển của cháu. Bên cạnh đó, ông Lê Bảo K cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Hồ Thị Thùy M. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho bà Hồ Thị Thùy M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Bảo N cho đến khi cháu Lê Bảo N thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Hồ Thị Thùy M khẳng định có khả năng, điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Bảo N và không yêu cầu ông Lê Bảo K cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Lê Bảo K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Thùy M xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Hồ Thị Thùy M xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Hồ Thị Thùy M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Lê Bảo K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thùy M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Thùy M và ông Lê Bảo K được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hồ Thị Thùy M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Bảo N (nữ, sinh ngày 07/11/2014) cho đến khi cháu Lê Bảo N thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Bảo K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Ông Lê Bảo K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Lê Bảo N mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Thùy M xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Hồ Thị Thùy M xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hồ Thị Thùy M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009517 ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ. Bà Hồ Thị Thùy M đã nộp xong án phí. Ông Lê Bảo K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Hồ Thị Thùy M và ông Lê Bảo K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã C, thành phố Cần Thơ;
Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lệ Hằng